

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2024/DS-ST**
Ngày: 15-8-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yên Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yên – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 50/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **59/2024/QĐXXST-DS** ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn Thanh L, xã P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Di, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn Thanh L, xã P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bà Phan Thị H, sinh năm 1969. Nơi ĐKNKTT: Khu phố B, phường Thanh Hải, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận

Chỗ ở: Khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Ông N có mặt, ông Đ, P, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2024 và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn, ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ngày 18/4/2022, ông N có cho ông Nguyễn Đ vay số tiền 3.300.000.000 (Ba tỷ ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay 01 tháng (ngày đến hạn là 18/5/2023). Ông Đ có viết Giấy vay tiền và giao bản chính cho ông N giữ. Các bên có thoả thuận lãi suất vay là

2.5%/tháng nhưng không thể hiện trong giấy vay. Trong quá trình vay tiền, ông Đ chưa trả tiền lãi cho ông N. Đến hạn trả tiền gốc, ông Nguyễn Đ không thực hiện việc trả nợ mặc dù ông N rất nhiều lần yêu cầu. Do vậy, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đ phải có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 3.300.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 01 tháng là 52.000.000 đồng và lãi quá hạn theo mức lãi suất 2.4%/tháng là 1.584.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, ông N xác định số tiền 3.300.000.000 đồng là tài sản chung của ông và bà Phan Thị H, đồng thời ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị H số tiền gốc là 3.300.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn trong thời gian từ ngày 19/5/2022 đến ngày 19/7/2024 (02 năm 02 tháng) với lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền lãi là 712.000.000 (Bảy trăm mười hai triệu) đồng. Như vậy tổng số tiền ông Nguyễn Đ phải trả cho ông N là 4.012.000.000 (Bốn tỷ không trăm mười hai triệu) đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N giữ nguyên ý kiến, buộc ông Nguyễn Đ trả lại cho vợ chồng ông số tiền 4.012.000.000 (Bốn tỷ không trăm mười hai triệu) đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Đ: Quá trình giải quyết, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Tại biên bản xác minh nơi cư trú, địa phương cung cấp, ông Đ đã bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thời gian làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian vụ án được đưa ra xét xử) cho bị đơn theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày: Bà và ông Nguyễn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà không biết và cũng không tham gia vào việc vay tiền giữa ông Đ và ông Nguyễn Văn N, nay ông N yêu cầu ông Đ trả lại số tiền vay thì bà không có ý kiến gì và xin vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Bà xác nhận số tiền 3.300.000.000 đồng ông N cho ông Đ vay là tài sản chung của vợ chồng bà và ông N. Đối với số tiền ông N yêu cầu ông Đ trả lại cho vợ chồng bà, bà thống nhất hoàn toàn với ý kiến của ông N và có đơn xin vắng mặt trong thời gian vụ án được đưa ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến phiên tòa do đó đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị H số tiền gốc

3.300.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 19/5/2022 đến ngày 19/7/2024 (02 năm 02 tháng) với lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nthì quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Do bị đơn cư trú tại thôn Thanh L, xã P, thị xã L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Đ vắng mặt, không có lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về khoản nợ gốc: Tại Giấy vay tiền lập ngày 18/4/2022 do nguyên đơn cung cấp và theo lời trình bày của nguyên đơn thể hiện ông N cho ông Nguyễn Đ vay số tiền là 3.300.000.000 (Ba tỷ ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay 01 tháng. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đ nhiều lần đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó thể hiện bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án.

Xét Giấy vay tiền lập ngày 18/4/2022, trong đó có sự chỉnh sửa số 8 trong số 18, việc chỉnh sửa này không thay đổi bản chất việc các bên thỏa thuận vay số tiền 3.300.000.000 đồng, thỏa thuận giữa các bên phù hợp quy định pháp luật, tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Cho đến nay bị đơn đã vi phạm về thời hạn trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc 3.300.000.000 đồng cũng như tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là có căn cứ.

- Về yêu cầu tiền lãi quá hạn: Ông N trình bày, việc vay tiền giữa các bên có thỏa thuận lãi suất là 2.5%/tháng tuy nhiên ông Đ chưa trả tiền lãi cho ông. Tại phiên tòa, ông

N yêu cầu tính lãi suất quá hạn trong vòng 02 năm 02 tháng (từ ngày 19/5/2022 đến ngày 19/7/2024) là 712.000.000 đồng. Xét, tại Giấy vay tiền lập ngày 18/4/2022 giữa ông Đ và ông N không thể hiện lãi suất. Do vậy, đây là hợp đồng vay không có lãi. Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì đối với hợp đồng vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên vay, Tòa án xác định bên vay phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, do vậy: tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bị đơn phải trả tính như sau: $3.300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 02 \text{ tháng} = 712.140.000 \text{ đồng}$. Ông N yêu cầu số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 712.000.000 đồng, là có lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận

Xét thấy, số tiền 3.300.000.000 đồng, ông N cho ông Đ vay là tài sản chung của ông N và bà Phan Thị H trong thời kỳ hôn nhân, do vậy, cần buộc ông Nguyễn Đ phải trả lại số tiền vay gốc và tiền lãi cho ông Nguyễn Văn N và bà Phan Thị H là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Đ phải trả cho ông N, bà Phan Thị H số tiền gốc 3.300.000.000 đồng và 712.000.000 đồng lãi. Tổng cộng: 4.012.000.000 (Bốn tỷ không trăm mười hai triệu) đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự Khoản 02 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Khoản 01 Điều 147; Điểm b khoản 02 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N

Buộc ông Nguyễn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị H số tiền là 4.012.000.000 (Bốn tỷ không trăm mười hai triệu) đồng. Trong đó, tiền gốc là 3.300.000.000 (Ba tỷ ba trăm triệu) đồng và tiền lãi là 712.000.000 (bảy trăm mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đ phải nộp 112.012.000 (Một trăm mười hai triệu không trăm mười hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 56.468.000 (Năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011332 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã L;
- Chi cục THA dân sự thị xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đào Thị Yến Nhi